|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

*Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2023*

**BẢNG TIẾP THU VÀ XỬ LÝ Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐƠN VỊ**

**Dự thảo Thông tư quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (thay thế Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT)**

*(Kèm theo Công văn số: 2119/ĐKVN-ĐS ngày 07 tháng 6 năm 2023)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Danh sách các đơn vị lấy ý kiến | Gửi đi | Không có ý kiến | Có ý kiến | |
| Đồng ý hoàn toàn | Đồng ý, có sửa đổi |
| 1 | Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam | x |  |  | x |
| 2 | Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội | x |  |  | x |
| 3 | Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn | x |  |  | x |
| 4 | Công ty Cổ phần vận tải và thương mại đường sắt | x |  |  | x |
| 5 | Công ty Cổ phần xe lửa Gia Lâm | x | x |  |  |
| 6 | Công ty Cổ phần xe lửa Dĩ An | x |  |  | x |
| 7 | Ban quản lý Đường sắt - Bộ GTVT | x |  | x |  |
| 8 | Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội | x |  |  | x |
| 9 | Ban Quản lý đường sắt đô thị TP.Hồ Chí Minh | x |  |  | x |
| 10 | Công ty TNHH MTV đường sắt Hà Nội | x |  |  | x |
| 11 | Công ty TNHH MTV đường sắt đô thị số 1 | x |  |  | x |
| 12 | Công ty Apatit Việt Nam | x |  |  | x |
| 13 | Công ty Than Núi Hồng | x | x |  |  |
| 14 | Công ty gang thép Thái Nguyên | x |  | x |  |
| 15 | Công ty Tuyển than Cửa Ông | x |  |  | x |
| 16 | Công ty Kho vận Đá Bạc | x |  | x |  |

| **STT** | **Đơn vị góp ý** | **Nội dung dự thảo Thông tư thay thế** | **Ý kiến góp ý** | **Giải trình** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Ban quản lý đường sắt đô thị Tp. Hồ Chí Minh** |  | Ban soạn thảo cần rà soát lại các lỗi đánh máy, chính tả trước khi cấp thẩm quyền ban hành Thông tư. | Tiếp thu, Ban soạn thảo đã rà soát lại toàn bộ dự thảo Thông tư và sửa các lỗi đánh máy, chính tả. |
|  | **Ban quản lý đường sắt đô thị Hà Nội** |  | Dự thảo Thông tư cần bao quát trong việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường sao cho không có những mâu thuẫn, xung đột và trở ngại đối với việc nhập khẩu đầu máy, toa xe, thiết bị chuyên dùng của các dự án, tránh làm các dự án bị kéo dài, chậm trễ. | Tiếp thu, Ban soạn thảo xin được ghi nhận và cố gắng hết sức trong khả năng của Ban soạn thảo. |
|  |  | **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG** |  |  |
|  |  | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt trong sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và phương tiện giao thông đường sắt trong hoán cải, kiểm tra định kỳ vận hành trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng không nối ray với đường sắt quốc gia có đi qua khu dân cư, giao cắt với đường bộ.  Thông tư này không áp dụng đối với thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh. |  |  |
|  | **Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An** | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức liên quan đến quản lý, kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, sửa chữa, khai thác thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt quy định tại Điều 1 Thông tư này. | Điều 2: Bỏ “thử nghiệm”  Lý do: Vì phạm vi điều chỉnh không áp dụng với loại hình thử nghiệm. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất bỏ cụm từ “thử nghiệm”. |
|  |  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ** |  |  |
|  | **Ban quản lý đường sắt đô thị Tp. Hồ Chí Minh** |  | Các điều khoản của Thông tư có nhiều khái niệm chưa được định nghĩa như “toa xe đường sắt quốc gia”, “phương tiện đường sắt đô thị”, “phương tiện đường sắt quốc gia”, “phương tiện đường sắt chuyên dùng”, … Đề nghị Ban soạn thảo rà soát và bổ sung giải thích các khái niệm này để thuận tiện trong việc triển khai thực hiện. | Ban soạn thảo xin được giải trình như sau:  - Thuật ngữ “phương tiện giao thông đường sắt” đã được định nghĩa tại khoản 26 Điều 3 Luật đường sắt gồm: đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt.  - Trong dự thảo Thông tư này Ban soạn thảo chỉ bổ sung, làm rõ một số thuật ngữ liên quan được sử dụng trong thông tư này và trong các quy chuẩn liên quan đến việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt như “toa xe đường sắt đô thị”, “phương tiện chuyên dùng tự hành” và “phương tiện chuyên dùng không tự hành”. |
|  | **Công ty cồ phần vận tải và thương mại đường sắt** | 1. Cơ sở sản xuất là tổ chức có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh sản xuất, lắp ráp phương tiện giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật. | Sửa khoản 1 Điều 3 thành “Doanh nghiệp công nghiệp đường sắt là tổ chức có tên riêng, tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích: kinh doanh, sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, hoán cải, bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt” để thống nhất với Luật Đường sắt 2017 và Nghị định số 65/2018/NĐ-CP. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa lại như sau:  1. Cơ sở sản xuất là tổ chức hoặc doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, lắp ráp thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật. |
|  | **Công ty cổ phần vận tải và thương mại đường sắt** | 2. Doanh nghiệp nhập khẩu là tổ chức có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh nhập khẩu phương tiện giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật. | Sửa khoản 2 Điều 3 thành “Doanh nghiệp nhập khẩu là tổ chức có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.”  Lý do: Căn cứ Điều 7 Quyền của doanh nghiệp tại Luật Doanh nghiệp 2020: Tự do kinh doanh ngành, nghề mà Luật không cấm; Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa lại như sau:  2. Doanh nghiệp nhập khẩu là tổ chức hoặc doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật. |
|  | **Công ty cồ phần vận tải và thương mại đường sắt** | 3. Cơ sở sửa chữa là tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc chi nhánh trực thuộc tổ chức có đăng ký kinh doanh bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật. | Bỏ khoản 3 Điều 3. Vì đã được định nghĩa chung tại khoản 1 Điều 3 như đề xuất sửa đổi, bổ sung. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa lại như sau:  3. Cơ sở sửa chữa là tổ chức hoặc doanh nghiệp có hoạt động hoán cải, sửa chữa phương tiện giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật. |
|  |  | 4. Toa xe đường sắt đô thị là phương tiện chuyên chở hành khách vận hành trên đường sắt đô thị. |  |  |
|  | **Tổng Công ty ĐSVN** | 5. Phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt (sau đây gọi tắt là phương tiện chuyên dùng) là phương tiện dùng để vận chuyển người, vật tư, thiết bị phục vụ cho các mục đích: cứu viện; cứu hộ tai nạn giao thông đường sắt; kiểm tra, thi công, bảo trì, sửa chữa công trình đường sắt. Phương tiện chuyên dùng gồm phương tiện chuyên dùng tự hành và phương tiện chuyên dùng không tự hành. | Sửa đổi bổ sung khoản 5 Điều 3: Phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt (sau đây gọi tắt là phương tiện chuyên dùng) là phương tiện dùng để vận chuyển người, vật tư, thiết bị phục vụ cho các mục đích: cứu viện; cứu hộ giao thông đường sắt; kiểm tra, *tuần đường*, thi công, bảo trì, sửa chữa công trình đường sắt. Phương tiện chuyên dùng gồm phương tiện chuyên dùng tự hành và phương tiện chuyên dùng không tự hành.  Lý do: Xe tuần đường là phương tiện cơ giới đang được Tổng công ty ĐSVN dùng cho công tác tuần đường, kiểm tra an toàn đường sắt để giảm sức lao động cho công nhân tuần đường. | Tiếp thu, Ban soạn thảo đã rà soát lại thuật ngữ *“phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt”, trao đổi với Cục ĐSVN và* thống nhất với các Thông tư hướng dẫn Luật Đường sắt (Thông tư 01/2022/TT-BGTVT và Thông tư số 13/2021/TT-BGTVT) và sửa lại như sau:  5. Phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt (sau đây gọi tắt là phương tiện chuyên dùng) là phương tiện dùng để vận chuyển người, vật tư, thiết bị phục vụ cho các mục đích: cứu viện; cứu hộ tai nạn giao thông đường sắt; kiểm tra, thi công, bảo trì, sửa chữa công trình đường sắt. |
|  | **Công ty cồ phần vận tải và thương mại đường sắt** | 5. Phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt (sau đây gọi tắt là phương tiện chuyên dùng) là phương tiện dùng để vận chuyển người, vật tư, thiết bị phục vụ cho các mục đích: cứu viện; cứu hộ tai nạn giao thông đường sắt; kiểm tra, thi công, bảo trì, sửa chữa công trình đường sắt. Phương tiện chuyên dùng gồm phương tiện chuyên dùng tự hành và phương tiện chuyên dùng không tự hành. | Khoản 5 Điều 3: Đề nghị Ban soạn thảo thông nhất thuật ngữ này với Thông tư số 21/2018/TT-BGTVT, QCVN 15:2023/BGTVT và QCVN 18:2023/BGTVT. | Tiếp thu, Ban soạn thảo đã rà soát lại thuật ngữ *“phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt”, trao đổi với Cục ĐSVN và* thống nhất với các Thông tư hướng dẫn Luật Đường sắt (Thông tư 01/2022/TT-BGTVT và Thông tư số 13/2021/TT-BGTVT) và sửa lại như sau:  5. Phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt (sau đây gọi tắt là phương tiện chuyên dùng) là phương tiện dùng để vận chuyển người, vật tư, thiết bị phục vụ cho các mục đích: cứu viện; cứu hộ tai nạn giao thông đường sắt; kiểm tra, thi công, bảo trì, sửa chữa công trình đường sắt. |
|  |  | 6. Phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là phương tiện) là đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng. |  |  |
|  | **Tổng Công ty ĐSVN** | 7. Thiết bị của phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là thiết bị) bao gồm giá chuyển hướng, van hãm, bộ móc nối đỡ đấm, thiết bị tín hiệu đuôi tàu, bộ trục bánh xe. | Sửa đổi bổ sung khoản 7 Điều 3: đối với “Van hãm” đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi chi tiết thành “van phân phối trên đầu máy, van hãm trên toa xe”.  Lý do: Trên đầu máy toa xe đang sử dụng có rất nhiều các van hãm. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa lại như sau:  7. Thiết bị của phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là thiết bị) bao gồm giá chuyển hướng, van phân phối đầu máy, van hãm toa xe, bộ móc nối đỡ đấm, thiết bị tín hiệu đuôi tàu, bộ trục bánh xe. |
|  |  | 8. Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là chứng nhận) là việc xác nhận thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt đã được kiểm tra theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. |  |  |
|  |  | 9. Tem kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là tem kiểm định) là biểu trưng cấp cho phương tiện giao thông đường sắt đã được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. |  |  |
|  | **Công ty cồ phần vận tải và thương mại đường sắt** | 10. Cơ quan kiểm tra là Cục Đăng kiểm Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải hoặc các Tổ chức đăng kiểm/kiểm định được phân công, phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải. | Sửa khoản 10 Điều 3 thành “Tổ chức Đăng kiểm là Cục Đăng kiểm Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải hoặc các Tổ chức đăng kiểm/kiểm định được phân công, phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho thiết bị, phương tiện giao thông đường sắt theo quy định tại Điều 1 Thông tư này.”  Lý do: Để thống nhất với điều 32, Luật Đường sắt 2017. | Giữ nguyên. Lý do:  - Cơ quan kiểm tra là thuật ngữ dùng cho cho tất cả các Bộ, ngành theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.  - Cơ quan kiểm tra có thể là Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc các Tổ chức đăng kiểm/kiểm định được phân công, phân cấp, ủy quyền theo quy định. |
|  |  | 11. Thủ tục đăng kiểm điện tử là việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai đăng kiểm, trao đổi các thông tin về thủ tục đăng kiểm giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm. |  |  |
|  |  | 12. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm là hệ thống thông tin do Cơ quan kiểm tra quản lý để thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử. |  |  |
|  |  | 13. Sự cố giao dịch điện tử là trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau do nguyên nhân khách quan. |  |  |
|  |  | **Chương II**  **QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** |  |  |
|  |  | **Điều 4. Loại hình kiểm tra**  Các loại hình kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường gồm:  1. Kiểm tra sản xuất, lắp ráp.  2. Kiểm tra nhập khẩu.  3. Kiểm tra hoán cải.  4. Kiểm tra định kỳ.  5. Kiểm tra bất thường. |  |  |
|  | **Công ty TNHH MTV ĐSĐT số 1** | **Điều 5. Hồ sơ đăng ký kiểm tra**  Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:  a) Giấy đề nghị kiểm tra của cơ sở sản xuất/doanh nghiệp nhập khẩu/cơ sở sửa chữa theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Bản chính bản khai thông tin thiết bị, phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo ảnh chụp tổng thể thiết bị, phương tiện;  c) Báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;  d) Tài liệu kỹ thuật của thiết bị, phương tiện theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. | Điều 5, điểm 2a Điều 12  Dự thảo Thông tư có quy định cụ thể nội dung tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra của Cơ quan kiểm tra tương ứng với trường hợp Doanh nghiệp nhập khẩu thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.  Lý do: Khoản 11 Điều 3 giải thích Thủ tục đăng kiểm điện tử là việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai đăng kiểm, trao đổi các thông tin về thủ tục đăng kiểm giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa lại như sau:  **Điều 5. Hồ sơ đăng ký kiểm tra**  Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:  1. Đơn đề nghị kiểm tra của cơ sở sản xuất /doanh nghiệp nhập khẩu/cơ sở sửa chữa theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;  2. Bản khai thông tin thiết bị, phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo ảnh chụp thể hiện rõ nét số hiệu, hình ảnh tổng thể thiết bị, phương tiện;  3. Báo cáo kết quả kiểm tra các hạng mục theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (bản chính/bản sao có giá trị pháp lý/bản điện tử có giá trị pháp lý);  4. Tài liệu kỹ thuật của thiết bị, phương tiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính/bản sao có giá trị pháp lý/bản điện tử có giá trị pháp lý). |
|  | **Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An** | **Điều 5. Hồ sơ đăng ký kiểm tra**  Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:  b) Bản chính bản khai thông tin thiết bị, phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo ảnh chụp tổng thể thiết bị, phương tiện; | Điểm b Điều 5: Phải quy định rõ về ảnh chụp (hình thức chụp, góc chụp ảnh, độ phân giải máy ảnh, …)  Lý do: Việc này tuy đơn giản nhưng rất dễ vướng mắc trong quá trình thực hiện và tốn nhiều thời gian chụp lại khi ảnh chụp không phù hợp với mong muốn của Cơ quan kiểm tra. | Tiếp thu, Ban soạn thảo sẽ cập nhật vào trong tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đăng kiểm. |
|  | **Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội** | **Điều 5. Hồ sơ đăng ký kiểm tra**  Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:  b) Bản chính bản khai thông tin thiết bị, phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo ảnh chụp tổng thể thiết bị, phương tiện; | Điều 5: Đối với phương tiện, thiết bị sản xuất/nhập khẩu mới thì áp dụng các điểm a, b, c, d như dự thảo. Đối với phương tiện, thiết bị kiểm tra định kỳ thì chỉ áp dụng điểm a.  Lý do: Hiện nay công ty VTHN đang quản lý, khai thác 2770 toa xe hàng 491 toa xe khách; mỗi năm số lượng phương tiện phải kiểm tra định kỳ khoảng 2000 phương tiện. Với việc phải kê khai thông tin theo Phụ lục I, III, IV, V như vậy sẽ mất rất nhiều thời gian và công sức. Như vậy công ty phải bố trí thêm người để kê khai dẫn tới tăng chi phí của doanh nghiệp lên rất lớn. Kiến nghị các thông tin nào của phương tiện do Công ty VTHN quản lý cần phải kê khai theo Phụ lục I, III, IV, V thì Công ty VTHN sẽ cung cấp và thường xuyên cập nhật gửi Cục ĐKVN bằng văn bản. | Giữ nguyên. Lý do: Đối với đầu máy, toa xe đường sắt quốc gia việc kiểm tra được thực hiện sau khi phương tiện đã được sửa chữa định kỳ và cơ sở sửa chữa chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đăng ký kiểm tra. Để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, dự thảo Thông tư và các quy chuẩn liên quan đã quy định tường minh các loại tài liệu và báo cáo cần phải nộp và khai báo. |
|  | **Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn** | **Điều 6. Kiểm tra sản xuất, lắp ráp**  1. Việc kiểm tra sản xuất, lắp ráp được thực hiện đối với: Thiết bị, phương tiện sản xuất, lắp ráp mới.  2. Điều kiện kiểm tra: Cơ sở phải chuẩn bị thiết bị, phương tiện và đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng để Cơ quan kiểm tra tiến hành việc kiểm tra tại địa điểm và thời gian đã đăng ký.  3. Nội dung kiểm tra: Thực hiện theo những nội dung thuộc phạm vi của Cơ quan kiểm tra được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng đối với từng loại thiết bị, phương tiện. Riêng đối với thiết bị tín hiệu đuôi tàu, nội dung kiểm tra theo quy định tại Phụ lục XIV.  4. Phương thức kiểm tra:  a) Kiểm tra từng thiết bị, phương tiện;  b) Riêng đối với toa xe đường sắt đô thị, kiểm tra toa xe ở trạng thái tĩnh và ghép thành đoàn tàu theo cấu hình khai thác vận hành trên đường;  c) Riêng đối với bộ trục bánh xe, kiểm tra mẫu điển hình cho từng lô bộ trục bánh xe theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 110:2023/BGTVT. | Đề nghị sửa khoản 1 Điều 6 thành “Việc kiểm tra sản xuất, lắp ráp được thực hiện đối với: Thiết bị, phương tiện sản xuất, lắp ráp mới toàn bộ”.  Lý do: Một số thiết bị của phương tiện giao thông đường sắt như: Giá chuyển hướng, van hãm, bộ trục bánh, bộ móc nối đỡ đấm trong sửa chữa định kỳ phải lắp ráp đơn chiếc do thay mới các chi tiết nên rất khó khăn trong việc thực hiện. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa “Việc kiểm tra sản xuất, lắp ráp được thực hiện đối với: Thiết bị, phương tiện sản xuất, lắp ráp mới” thành “Việc kiểm tra sản xuất, lắp ráp được thực hiện đối với: Phương tiện sản xuất, lắp ráp mới toàn bộ”. |
|  | **Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội** |  | Kiến nghị bổ sung thêm điều mục “thẩm tra hồ sơ kiểm tra sản xuất, lắp ráp; kiểm tra hoán cải” trong đó kiến nghị Cục ĐKVN quy định thẩm tra hồ sơ theo Phụ lục V trước, sau đó cơ sở sản xuất, sửa chữa mới tiến hành sản xuất, lắp ráp; hoán cải như vậy tránh gây lãng phí, khó khăn cho cơ sở sản xuất, sửa chữa. | Giữ nguyên. Lý do:  - Nội dung kiến nghị chưa phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay là tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, giảm bớt các thủ tục, yêu cầu không cần thiết.  - Hồ sơ đăng ký kiểm tra chỉ là thành phần đầu vào của quá trình kiểm tra, nếu thành phần Hồ sơ phù hợp thì Tổ chức đăng kiểm sẽ tiến hành kiểm tra thực tế sản phẩm. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu hồ sơ không phù hợp với sản phẩm thực tế. Tổ chức đăng kiểm không làm thay công việc của doanh nghiệp, tổ chức đăng kiểm chỉ cấp ra giấy chứng nhận khi sản phẩm thực tế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và hồ sơ đăng ký kiểm tra phù hợp với sản phẩm thực tế. |
|  | **Công ty TNHH MTV ĐSĐT số 1** | **Điều 7. Kiểm tra nhập khẩu**  1. Việc kiểm tra nhập khẩu được thực hiện đối với: Thiết bị, phương tiện nhập khẩu mới; phương tiện nhập khẩu đã qua sử dụng.  2. Điều kiện kiểm tra: Doanh nghiệp phải chuẩn bị thiết bị, phương tiện và đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng để Cơ quan kiểm tra tiến hành việc kiểm tra tại địa điểm và thời gian đã đăng ký.  3. Nội dung kiểm tra: Thực hiện theo những nội dung thuộc phạm vi của Cơ quan kiểm tra được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng đối với từng loại thiết bị, phương tiện. Riêng đối với thiết bị tín hiệu đuôi tàu, nội dung kiểm tra theo quy định tại Phụ lục XIV.  4. Phương thức kiểm tra:  a) Kiểm tra từng thiết bị, phương tiện;  b) Riêng đối với toa xe đường sắt đô thị, kiểm tra toa xe ở trạng thái tĩnh và ghép thành đoàn tàu theo cấu hình khai thác vận hành trên đường;  c) Riêng đối với bộ trục bánh xe, kiểm tra mẫu điển hình cho từng lô bộ trục bánh xe theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 110:2023/BGTVT. | Khoản 2 Điều 7: để nghị sửa “doanh nghiệp” thành “doanh nghiệp nhập khẩu”.  Lý do: Làm rõ chủ thể được quy định theo định nghĩa Doanh nghiệp nhập khẩu tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Thông tư này. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa “doanh nghiệp” thành “doanh nghiệp nhập khẩu”. |
|  | **Ban quản lý đường sắt đô thị Hà Nội** |  | Khoản 4 Điều 7, đề nghị sửa thành:  a) Kiểm tra từng thiết bị, phương tiện;  b) Riêng đối với toa xe đường sắt đô thị nhập khẩu mới, chỉ kiểm tra hồ sơ chất lượng xuất xưởng, hồ sơ hải quan và các hồ sơ khác có liên quan đến chất lượng, an toàn toa xe (không tiến hành kiểm tra toa xe ở trạng thái tĩnh và ghép thành đoàn tàu theo cấu hình khai thác vận hành trên đường).  c) Riêng đối với bộ trục bánh xe trừ trục bánh xe đường sắt đô thị nhập khẩu mới, kiểm tra mẫu điển hình cho từng lô bộ trục bánh xe theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 110:2023/BGTVT  Lý do: Tương tự như ô tô, việc đăng kiểm ở lần đầu phương tiện giao thông đường sắt đô thị là không thực sự cần thiết mà chỉ cần kiểm tra các hồ sơ liên quan đến chất lượng, an toàn và bảo vệ môi trường là đủ. Thực tế, chất lượng, an toàn và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt đô thị nhập khẩu mới hoàn toàn có thể được kiểm soát bởi nhà sản xuất nước ngoài, nhà thầu cung cấp trang thiết bị, tư vấn và chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng đường sắt đô thị. Việc bỏ qua đăng kiểm lần đầu tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng đường sắt đô thị giảm bớt các thủ tục. | Giữ nguyên. Lý do:  - Phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu để tham gia giao thông đường sắt phải bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam và phải được tổ chức đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Đường sắt.  - Trong dự thảo Thông tư không có quy định về kiểm tra lần đầu mà chỉ có quy định về kiểm tra nhập khẩu và kiểm tra định kỳ. Việc kiểm tra nhập khẩu ngoài theo quy định của Luật Đường sắt (Điều 34) còn theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (khoản 2 Điều 34: Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng liên quan đến quá trình sản xuất, sản phẩm cuối cùng bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định; khoản 2 Điều 34: Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35 của Luật này). Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện nhập khẩu có hiệu lực trong khoảng thời gian quy định (02 năm đối với toa xe đường sắt đô thị), khi hết thời gian này thì mới phải tiến hành kiểm tra định kỳ (khác cơ bản đối với lĩnh vực ô tô, gồm: kiểm định nhập khẩu, lần đầu và định kỳ). |
|  | **Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn** | **Điều 8. Kiểm tra hoán cải**  1. Việc kiểm tra hoán cải được thực hiện đối với phương tiện đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng có thay đổi:  a) Kết cấu thép thân xe, tính năng sử dụng của phương tiện khác với lần đăng kiểm gần nhất;  b) Kiểu loại của động cơ diesel, động cơ điện kéo, máy phát điện chính, máy nén khí, bộ truyền động thủy lực, giá chuyển hướng, bộ móc nối đỡ đấm, van phân phối, van hãm lắp trên phương tiện khác với lần đăng kiểm gần nhất.  2. Điều kiện kiểm tra: Cơ sở sửa chữa phải chuẩn bị phương tiện và đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 15:2023/BGTVT tương ứng với nội dung hoán cải của từng loại phương tiện để Cơ quan kiểm tra tiến hành việc kiểm tra tại địa điểm và thời gian đã đăng ký.  3. Nội dung kiểm tra: Kiểm tra nội dung hoán cải của phương tiện so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 15:2023/BGTVT.  4. Phương thức kiểm tra: Kiểm tra từng phương tiện. | Đề nghị sửa điểm a khoản 1 Điều 8 thành “Thay đổi các bộ phận chịu lực chính của kết cấu thép thân xe, tính năng sử dụng của phương tiện khác với lần đăng kiểm gần nhất”.  Lý do: Trong quá trình hoán cải phương tiện sẽ không tránh khỏi một số thay đổi nhỏ và không làm ảnh hưởng đến thông số tính toán và độ bền toa xe. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa như sau:  **Điều 8. Kiểm tra hoán cải**  1. Việc kiểm tra hoán cải được thực hiện đối với phương tiện đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng có thay đổi:  a) Các bộ phận chịu lực chính của kết cấu thép thân phương tiện khác với lần đăng kiểm gần nhất;  b) Tính năng sử dụng của phương tiện dẫn đến việc phải thay đổi cách bố trí lắp đặt của phương tiện khác với lần đăng kiểm gần nhất;  c) Kiểu loại của động cơ diesel, động cơ điện kéo, máy phát điện chính, máy nén khí, bộ truyền động thủy lực, bộ phận chạy (giá chuyển hướng, bộ trục bánh xe), bộ móc nối đỡ đấm, van phân phối, van hãm lắp trên phương tiện khác với lần đăng kiểm gần nhất. |
|  | **Tổng Công ty ĐSVN** | Điểm a Khoản 1 Điều 8 đề nghị ban soạn thảo bổ sung định nghĩa “tính năng sử dụng của phương tiện”.  Lý do: Chưa có định nghĩa và hiện nay đang có nhiều cách hiểu khác nhau, khó khăn trong quá trình thực hiện trong thực tiễn. |
|  | **Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội** |  | Điểm a Điều 8: đề nghị khi thay đổi kết cấu thép thân xe (kết cấu các xà chịu lực chính của bệ xe gồm: xà đầu, xà gối, xà dọc giữa, xà ngang chính, xà dọc cạnh) của phương tiện khác với lần đăng kiểm gần nhất” thì mới tính là phương tiện hoán cải vì đối với phương tiện là toa xe thì chịu lực chính là bệ xe chứ nếu ghi chung chung là “kết cấu thép thân xe” như vậy thì sẽ rất khó khăn cho doanh nghiệp và dễ gây hiểu nhầm. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa như sau:  **Điều 8. Kiểm tra hoán cải**  1. Việc kiểm tra hoán cải được thực hiện đối với phương tiện đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng có thay đổi:  a) Các bộ phận chịu lực chính của kết cấu thép thân phương tiện khác với lần đăng kiểm gần nhất;  b) Tính năng sử dụng của phương tiện dẫn đến việc phải thay đổi cách bố trí lắp đặt của phương tiện khác với lần đăng kiểm gần nhất;  c) Kiểu loại của động cơ diesel, động cơ điện kéo, máy phát điện chính, máy nén khí, bộ truyền động thủy lực, bộ phận chạy (giá chuyển hướng, bộ trục bánh xe), bộ móc nối đỡ đấm, van phân phối, van hãm lắp trên phương tiện khác với lần đăng kiểm gần nhất. |
|  | **Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội** |  | Kiến nghị bổ sung thêm điều mục “thẩm tra hồ sơ kiểm tra sản xuất, lắp ráp; kiểm tra hoán cải” trong đó kiến nghị Cục ĐKVN quy định thẩm tra hồ sơ theo Phụ lục V trước, sau đó cơ sở sản xuất, sửa chữa mới tiến hành sản xuất, lắp ráp; hoán cải như vậy tránh gây lãng phí, khó khăn cho cơ sở sản xuất, sửa chữa. | Giữ nguyên. Lý do:  - Nội dung kiến nghị chưa phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay là tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, giảm bớt các thủ tục, yêu cầu không cần thiết.  - Hồ sơ đăng ký kiểm tra chỉ là thành phần đầu vào của quá trình kiểm tra, nếu thành phần Hồ sơ phù hợp thì Tổ chức đăng kiểm sẽ tiến hành kiểm tra thực tế sản phẩm. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu hồ sơ không phù hợp với sản phẩm thực tế. Tổ chức đăng kiểm không làm thay công việc của doanh nghiệp, tổ chức đăng kiểm chỉ cấp ra giấy chứng nhận khi sản phẩm thực tế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và hồ sơ đăng ký kiểm tra phù hợp với sản phẩm thực tế. |
|  | **Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn** | **Điều 9. Kiểm tra định kỳ**  1. Việc kiểm tra định kỳ được thực hiện đối với: Phương tiện đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.  2. Điều kiện kiểm tra: Cơ sở sửa chữa phải chuẩn bị phương tiện và đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 15:2023/BGTVT tương ứng với từng loại phương tiện để Cơ quan kiểm tra tiến hành việc kiểm tra tại địa điểm và thời gian đã đăng ký.  4. Nội dung kiểm tra: Thực hiện theo những nội dung thuộc phạm vi của Cơ quan kiểm tra được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 15:2023/BGTVT.  5. Phương thức kiểm tra:  a) Kiểm tra từng phương tiện;  b) Riêng đối với toa xe đường sắt đô thị, kiểm tra toa xe ở trạng thái tĩnh và ghép thành đoàn tàu theo cấu hình khai thác vận hành trên đường.  6. Chu kỳ kiểm tra phương tiện định kỳ  a) Chu kỳ kiểm tra phương tiện định kỳ được thực hiện theo quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Đối với đầu máy, toa xe đường sắt quốc gia và toa xe đường sắt đô thị, việc kiểm tra được thực hiện cùng thời điểm phương tiện được bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ. | Đề nghị sửa điểm b khoản 6 Điều 9 thành “Đối với đầu máy, Toa xe đường sắt quốc gia việc kiểm tra được thực hiện cùng thời điểm phương tiện được sửa chữa định kỳ; Đối với toa xe đường sắt đô thị, việc kiểm tra được thực hiện cùng thời điểm phương tiện được bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ”.  Lý do: Để thuận lợi cho việc thực hiện các cấp bảo dưỡng như: khám hãm, khám móc, bảo dưỡng giữa kỳ, ... | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa lại như sau:  5. Chu kỳ kiểm tra định kỳ  b) Đối với đầu máy, toa xe đường sắt quốc gia việc kiểm tra được thực hiện cùng thời điểm phương tiện được sửa chữa định kỳ. |
|  | **Công ty TNHH MTV ĐSĐT số 1** | Khoản 6 Điều 9: Đề nghị có hướng dẫn cụ thể về trường hợp thời điểm bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (theo sổ tay của nhà sản xuất) khác với quy định về chu kỳ kiểm tra tại Phụ lục XIII dự thảo Thông tư.  Lý do: Thời điểm bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ đối với toa xe đường sắt đô thị thường được quy định tại sổ tay hướng dẫn và/hoặc kế hoạch bảo trì. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa lại như sau:  5. Chu kỳ kiểm tra định kỳ  b) Đối với đầu máy, toa xe đường sắt quốc gia việc kiểm tra được thực hiện cùng thời điểm phương tiện được sửa chữa định kỳ. |
|  | **Tổng Công ty ĐSVN** | **Điều 10. Kiểm tra bất thường**  1. Cơ quan kiểm tra thực hiện kiểm tra bất thường trong các trường hợp sau:  a) Theo đề nghị phối hợp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phương tiện bị tai nạn;  b) Khi phát hiện có vi phạm về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác thiết bị, phương tiện.  2. Nếu kết quả kiểm tra cho thấy thiết bị, phương tiện vi phạm về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác thì Cơ quan kiểm tra ra thông báo hết hiệu lực giấy chứng nhận đã cấp đối với thiết bị, phương tiện vi phạm và gửi thông báo đến các cơ quan liên quan theo quy định. | Điểm a khoản 1 Điều 10: đề nghị làm rõ “Cơ quan nhà nước có thẩm quyền” khi phương tiện bị tai nạn là những cơ quan nào? và giới hạn của thiết bị ở mức độ hư hỏng như thế nào mới phải kiểm tra cấp lại đăng kiểm.  Lý do: Trong quá trình chạy tàu trên Đường sắt quốc gia thường xuyên xảy ra các va chạm của phương tiện ví dụ như: va trâu bò, phương tiện giao thông đường bộ... dẫn đến các hư hỏng nhẹ. Nếu các hư hỏng đó của phương tiện đều phải kiểm tra cấp lại đăng kiểm sẽ gây khó khăn và lãng phí cho doanh nghiệp.  Đề nghị bỏ điểm b khoản 1 Điều 10 vì rất khó xác định: phương tiện, thiết bị vi phạm về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong quá trình phương tiện thiết bị đang sử dụng khai thác  Lý do: Không khả thi trong quá trình thực hiện, từ đó đề nghị bỏ Khoản 2. | - Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa lại như sau:  1. Tổ chức đăng kiểm thực hiện kiểm tra bất thường trong các trường hợp sau:  a) Theo đề nghị phối hợp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phương tiện bị tai nạn;  b) Khi phát hiện phương tiện vi phạm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt trong quá trình khai thác phương tiện.  2. Nếu kết quả kiểm tra cho thấy thiết bị, phương tiện vi phạm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt trong quá trình khai thác thì Cơ quan kiểm tra ra thông báo hết hiệu lực giấy chứng nhận đã cấp đối với thiết bị, phương tiện vi phạm trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra bất thường và gửi thông báo đến các cơ quan liên quan theo quy định.  - Ban soạn thảo xin được giải trình như sau: Khi phương tiện bị nạn nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cơ quan công an, Bộ GTVT hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác) yêu cầu Tổ chức đăng kiểm tham gia đoàn kiểm tra (cần phải giám định chuyên môn theo quy định tại Điều 16 Thông tư 63/2020/TT-BCA). Nếu kết quả kiểm tra cho thấy phương tiện vi phạm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt thì Tổ chức đăng kiểm ra thông báo hết hiệu lực giấy chứng nhận đã cấp đối với phương tiện vi phạm và gửi thông báo đến các cơ quan liên quan theo quy định. |
|  |  | **Chương III**  **TRÌNH TỰ CẤP, SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TEM KIỂM ĐỊNH** |  |  |
|  |  | **Điều 11. Nguyên tắc phát hành giấy chứng nhận**  1. Đối với hồ sơ giấy, các liên của giấy chứng nhận được phát hành gồm: liên lưu (nhập khẩu, sản xuất lắp ráp, hoán cải), liên lưu hành, liên sử dụng để giải quyết thủ tục hải quan (nhập khẩu) và đăng ký phương tiện (nhập khẩu, sản xuất lắp ráp).  2. Đối với hồ sơ điện tử: Phát hành bản giấy giấy chứng nhận khi cơ quan có liên quan chưa thực hiện việc kết nối sử dụng dữ liệu điện tử với Cơ quan kiểm tra. |  |  |
|  | **Tổng Công ty ĐSVN** | **Điều 12. Cấp giấy chứng nhận và tem kiểm định**  1. Đối với kiểm tra sản xuất, lắp ráp  a) Nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra  Cơ sở sản xuất lập 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này và nộp cho Cơ quan kiểm tra bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.  b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra (nếu cơ sở sản xuất nộp hồ sơ sau 15h hàng ngày, ngày nộp hồ sơ được tính là ngày hôm sau)  b1) Cơ quan kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra trong vòng một (01) ngày làm việc. Nếu thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra đầy đủ, Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra. Nếu thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra không đầy đủ, Cơ quan kiểm tra trả lại hồ sơ và hướng dẫn cơ sở sản xuất hoàn thiện lại.  b2) Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra (đối chiếu các nội dung trong hồ sơ đăng ký kiểm tra với Phụ lục IV) đã được nộp trong vòng năm (05) ngày làm việc, riêng đối với toa xe đường sắt đô thị Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra đã được nộp trong vòng ba mươi (30) ngày. Nếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra phù hợp, Cơ quan kiểm tra ra thông báo xác nhận về thời gian, địa điểm kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Nếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra không phù hợp, Cơ quan kiểm tra ra thông báo khắc phục hồ sơ đăng ký kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Quá thời hạn ba mươi (30) ngày, nếu cơ sở sản xuất chưa khắc phục xong, Cơ quan kiểm tra ra thông báo dừng thủ tục chứng nhận đối với thiết bị, phương tiện đó theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. Để được chứng nhận, cơ sở sản xuất phải tiến hành đăng ký kiểm tra lại, bắt đầu từ điểm a điều này.  c) Kiểm tra thiết bị, phương tiện  c1) Đối với thiết bị, phương tiện đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng: Quá thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày Cơ quan kiểm tra ra thông báo xác nhận về thời gian, địa điểm kiểm tra mà cơ sở sản xuất không chuẩn bị được thiết bị, phương tiện để kiểm tra và không đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này thì Cơ quan kiểm tra ra thông báo dừng thủ tục chứng nhận đối với thiết bị, phương tiện đó theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. Để được chứng nhận, cơ sở sản xuất phải tiến hành đăng ký kiểm tra lại, bắt đầu từ điểm a điều này. Không áp dụng quy định này đối với phương tiện kiểu loại mới.  c2) Đối với thiết bị, phương tiện đường sắt đô thị: Quá thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày Cơ quan kiểm tra ra thông báo xác nhận về thời gian, địa điểm kiểm tra mà cơ sở sản xuất không chuẩn bị được thiết bị, phương tiện để kiểm tra và không đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này thì Cơ quan kiểm tra ra thông báo dừng thủ tục chứng nhận đối với thiết bị, phương tiện đó theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. Để được chứng nhận, cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục đăng ký kiểm tra lại, bắt đầu từ điểm a điều này. Không áp dụng quy định này đối với phương tiện kiểu loại mới.  d) Cấp giấy chứng nhận/thông báo không đạt và tem kiểm định: Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra và cơ sở sản xuất đã nộp giá, lệ phí theo quy định.  d1) Nếu thiết bị, phương tiện phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, Cơ quan kiểm tra cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản giấy và/hoặc bản điện tử) đối với từng thiết bị (từng lô bộ trục bánh xe), phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và cấp tem kiểm định cho phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.  d2) Nếu thiết bị, phương tiện chưa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, Cơ quan kiểm tra ra thông báo khắc phục theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Quá thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo khắc phục, nếu doanh nghiệp chưa khắc phục xong, Cơ quan kiểm tra ra thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng thiết bị (từng lô bộ trục bánh xe), phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. | Điểm c1 Mục c khoản 1 Điều 12: đề nghị Ban soạn thảo áp dụng thời gian 60 ngày giống như áp dụng đối với đường sắt đô thị.  Lý do: Đối với ngày dừng sửa chữa cấp đầu máy hiện nay của Tổng công ty ĐSVN quy định cấp Rđ từ 55-60 ngày, Rk từ 30-40 ngày, R2 từ 20-25 ngày. Việc thực hiện kiểm tra Đăng kiểm viên phải phối hợp với đơn vị sửa chữa đầu máy thực hiện việc kiểm tra từ khi đầu máy vào sửa chữa đến khi đầu máy ra xưởng mới xong. | Giữ nguyên. Lý do:  - Cơ quan kiểm tra chỉ tiến hành kiểm tra hiện trường khi đơn vị đã chuẩn bị đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 5 (trừ báo cáo chạy thử/thử nghiệm vận dụng sẽ được nộp bổ sung sau khi đã hoàn thành chạy thử/thử nghiệm vận dụng), điều này có nghĩa là Cơ quan kiểm tra chỉ tiến hành kiểm tra hiện trường khi phương tiện đã hoàn thành việc sản xuất, lắp ráp, đã được nhập khẩu về Việt Nam, đã hoàn thành hoán cải, sửa chữa định kỳ. Do đó khoảng thời gian 20 ngày đối với đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng là khoảng thời gian chuẩn bị thiết bị, phương tiện và đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng để Cơ quan kiểm tra tiến hành việc kiểm tra tại địa điểm và thời gian đã đăng ký không phải là thời gian sản xuất, vào cấp của thiết bị, phương tiện.  - Đối với đường sắt đô thị: do một số hạng mục kiểm tra, thử nghiệm phải tiến hành trên tuyến khi đã được tích hợp toàn bộ hệ thống nên thời gian chờ đợi tương đối lâu. Ban soạn thảo dự kiến là 60 ngày để đơn vị tính toán hợp lý khi thực hiện đăng ký kiểm tra. |
|  | **Công ty TNHH MTV ĐSĐT số 1** | 2. Đối với kiểm tra nhập khẩu  a) Nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra  Doanh nghiệp nhập khẩu lập 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này và nộp cho Cơ quan kiểm tra bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.  b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra (nếu doanh nghiệp nộp hồ sơ sau 15h hàng ngày, ngày nộp hồ sơ được tính là ngày hôm sau)  b1) Cơ quan kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra trong vòng một (01) ngày làm việc. Nếu thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra đầy đủ, Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra. Nếu thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra không đầy đủ, Cơ quan kiểm tra trả lại hồ sơ và hướng dẫn doanh nghiệp nhập khẩu hoàn thiện lại.  b2) Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra (đối chiếu các nội dung trong hồ sơ đăng ký kiểm tra với Phụ lục IV) đã được nộp trong vòng năm (05) ngày làm việc, riêng đối với toa xe đường sắt đô thị Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra đã được nộp trong vòng ba mươi (30) ngày. Nếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra phù hợp, Cơ quan kiểm tra ra thông báo xác nhận về thời gian, địa điểm kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Nếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra không phù hợp, Cơ quan kiểm tra ra thông báo khắc phục hồ sơ đăng ký kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Quá thời hạn ba mươi (30) ngày, nếu doanh nghiệp nhập khẩu chưa khắc phục xong, Cơ quan kiểm tra ra thông báo dừng thủ tục chứng nhận đối với thiết bị, phương tiện đó theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. Để được chứng nhận, doanh nghiệp nhập khẩu phải tiến hành các thủ tục đăng ký kiểm tra lại, bắt đầu từ điểm a điều này.  c) Kiểm tra thiết bị, phương tiện  c1) Đối với thiết bị, phương tiện đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng: Quá thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày Cơ quan kiểm tra ra thông báo xác nhận về thời gian, địa điểm kiểm tra mà doanh nghiệp nhập khẩu không chuẩn bị được thiết bị, phương tiện để kiểm tra và không đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này thì Cơ quan kiểm tra ra thông báo dừng thủ tục chứng nhận đối với thiết bị, phương tiện đó theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. Để được chứng nhận, doanh nghiệp nhập khẩu phải tiến hành đăng ký kiểm tra lại, bắt đầu từ điểm a điều này. Không áp dụng quy định này đối với phương tiện kiểu loại mới.  c2) Đối với thiết bị, phương tiện đường sắt đô thị: Quá thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày Cơ quan kiểm tra ra thông báo xác nhận về thời gian, địa điểm kiểm tra mà doanh nghiệp nhập khẩu không chuẩn bị được thiết bị, phương tiện để kiểm tra và không đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này thì Cơ quan kiểm tra ra thông báo dừng thủ tục chứng nhận đối với thiết bị, phương tiện đó theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. Để được chứng nhận, doanh nghiệp nhập khẩu phải tiến hành các thủ tục đăng ký kiểm tra lại, bắt đầu từ điểm a điều này. Không áp dụng quy định này đối với phương tiện kiểu loại mới.  d) Cấp giấy chứng nhận/thông báo không đạt và tem kiểm định: Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra và doanh nghiệp nhập khẩu đã nộp giá, lệ phí theo quy định.  d1) Nếu thiết bị, phương tiện phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, Cơ quan kiểm tra cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản giấy và/hoặc bản điện tử) đối với từng thiết bị (từng lô bộ trục bánh xe), phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và cấp tem kiểm định cho phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.  d2) Nếu thiết bị, phương tiện đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng chưa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, Cơ quan kiểm tra ra thông báo khắc phục theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Quá thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo khắc phục, nếu doanh nghiệp chưa khắc phục xong, Cơ quan kiểm tra ra thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng thiết bị (từng lô bộ trục bánh xe), phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc, đồng thời gửi đến cơ quan hải quản để giải quyết theo quy định.  d3) Nếu thiết bị, phương tiện đường sắt đô thị chưa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, Cơ quan kiểm tra ra thông báo khắc phục theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Quá thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày ra thông báo khắc phục, nếu doanh nghiệp chưa khắc phục xong hoặc không gửi báo cáo bằng văn bản đến Cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do chưa khắc phục xong và cam kết mốc thời gian khắc phục mới, Cơ quan kiểm tra ra thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng thiết bị (từng lô bộ trục bánh xe), phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc, đồng thời gửi đến cơ quan hải quản để giải quyết theo quy định. | Điều 5, điểm 2a Điều 12  Dự thảo Thông tư có quy định cụ thể nội dung tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra của Cơ quan kiểm tra tương ứng với trường hợp Doanh nghiệp nhập khẩu thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.  Lý do: Khoản 11 Điều 3 giải thích Thủ tục đăng kiểm điện tử là việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai đăng kiểm, trao đổi các thông tin về thủ tục đăng kiểm giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm. | Tiếp thu, Ban soạn thảo đã thống nhất làm rõ thành phần hồ sơ (nộp trực tiếp hoặc trực tuyến) như tại Điều 5:  **Điều 5. Hồ sơ đăng ký kiểm tra**  Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:  1. Đơn đề nghị kiểm tra của cơ sở sản xuất /doanh nghiệp nhập khẩu/cơ sở sửa chữa theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;  2. Bản khai thông tin thiết bị, phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo ảnh chụp thể hiện rõ nét số hiệu, hình ảnh tổng thể thiết bị, phương tiện;  3. Báo cáo kết quả kiểm tra các hạng mục theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (bản chính/bản sao có giá trị pháp lý/bản điện tử có giá trị pháp lý);  4. Tài liệu kỹ thuật của thiết bị, phương tiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính/bản sao có giá trị pháp lý/bản điện tử có giá trị pháp lý). |
|  |  | 3. Đối với kiểm tra hoán cải  a) Nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra  Cơ sở sửa chữa lập 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này và nộp cho Cơ quan kiểm tra bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.  b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra (nếu doanh nghiệp nộp hồ sơ sau 15h hàng ngày, ngày nộp hồ sơ được tính là ngày hôm sau)  b1) Cơ quan kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra trong vòng một (01) ngày làm việc. Nếu thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra đầy đủ, Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra. Nếu thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra không đầy đủ, Cơ quan kiểm tra trả lại hồ sơ và hướng dẫn cơ sở sửa chữa hoàn thiện lại.  b2) Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra (đối chiếu các nội dung trong hồ sơ đăng ký kiểm tra với Phụ lục IV) đã được nộp trong vòng năm (05) ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra phù hợp, Cơ quan kiểm tra ra thông báo xác nhận về thời gian, địa điểm kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Nếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra không phù hợp, Cơ quan kiểm tra ra thông báo khắc phục hồ sơ đăng ký kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Quá thời hạn mười (10) ngày làm việc, nếu cơ sở sửa chữa chưa khắc phục xong, Cơ quan kiểm tra ra thông báo dừng thủ tục chứng nhận đối với phương tiện đó theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. Để được chứng nhận, cơ sở sửa chữa phải tiến hành các thủ tục đăng ký kiểm tra lại, bắt đầu từ điểm a điều này.  c) Kiểm tra phương tiện  Quá thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Cơ quan kiểm tra ra thông báo xác nhận về thời gian, địa điểm kiểm tra mà cơ sở sửa chữa không chuẩn bị được phương tiện để kiểm tra và không đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư này thì Cơ quan kiểm tra ra thông báo dừng thủ tục chứng nhận đối với phương tiện đó theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. Để được chứng nhận, cơ sở sửa chữa phải tiến hành các thủ tục đăng ký kiểm tra lại, bắt đầu từ điểm a điều này.  d) Cấp giấy chứng nhận/thông báo không đạt: Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra và cơ sở sửa chữa đã nộp giá, lệ phí theo quy định.  d1) Nếu phương tiện phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 15:2023/BGTVT, Cơ quan kiểm tra cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản giấy hoặc bản điện tử) đối với từng phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.  d2) Nếu phương tiện chưa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 15:2023/BGTVT, Cơ quan kiểm tra ra thông báo khắc phục theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Quá thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra thông báo khắc phục, nếu doanh nghiệp chưa khắc phục xong, Cơ quan kiểm tra ra thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. |  |  |
|  | **Công ty Tuyển than Cửa Ông - Vinacomin** | 4. Đối với kiểm tra phương tiện định kỳ  a) Nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra  Cơ sở sửa chữa sửa chữa lập 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này và nộp cho Cơ quan kiểm tra bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.  b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra (nếu doanh nghiệp nộp hồ sơ sau 15h hàng ngày, ngày nộp hồ sơ được tính là ngày hôm sau)  b1) Cơ quan kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra trong vòng một (01) ngày làm việc. Nếu thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra đầy đủ, Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra. Nếu thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra không đầy đủ, Cơ quan kiểm tra trả lại hồ sơ và hướng dẫn cơ sở sửa chữa hoàn thiện lại.  b2) Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra (đối chiếu các nội dung trong hồ sơ đăng ký kiểm tra với Phụ lục IV) đã được nộp trong vòng một (01) ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra phù hợp, Cơ quan kiểm tra thống nhất với cơ sở sửa chữa về thời gian và địa điểm kiểm tra. Nếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra không phù hợp, Cơ quan kiểm tra ra thông báo khắc phục hồ sơ đăng ký kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Quá thời hạn hai (02) ngày làm việc, nếu cơ sở sửa chữa chưa khắc phục xong, Cơ quan kiểm tra ra thông báo dừng thủ tục chứng nhận đối với phương tiện đó theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. Để được chứng nhận, cơ sở sửa chữa phải tiến hành các thủ tục đăng ký kiểm tra lại, bắt đầu từ điểm a điều này.  c) Kiểm tra phương tiện  Quá thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra mà cơ sở sửa chữa không chuẩn bị được phương tiện để kiểm tra và không đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư này thì Cơ quan kiểm tra ra thông báo dừng thủ tục chứng nhận đối với phương tiện đó theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. Để được chứng nhận, cơ sở sửa chữa phải tiến hành các thủ tục đăng ký kiểm tra lại, bắt đầu từ điểm a điều này.  d) Cấp giấy chứng nhận/thông báo không đạt và tem kiểm định: Trong thời hạn không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra và cơ sở sửa chữa đã nộp giá, lệ phí theo quy định.  d1) Nếu phương tiện phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 15:2023/BGTVT, Cơ quan kiểm tra cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản giấy hoặc bản điện tử) đối với từng phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và cấp tem kiểm định cho phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.  d2) Nếu phương tiện chưa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 15:2023/BGTVT, Cơ quan kiểm tra ra thông báo khắc phục theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Quá thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày ra thông báo khắc phục, nếu doanh nghiệp chưa khắc phục xong, Cơ quan kiểm tra ra thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn một (01) ngày làm việc. | Tại Chương II, Điều 12, khoản 4, điểm d có nêu: Cấp giấy chứng nhận/thông báo không đạt và tem kiểm định: Trong thời hạn không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra và cơ sở sửa chữa đã nộp giá, lệ phí theo quy định.  Đề nghị sửa lại: Cấp giấy chứng nhận/thông báo không đạt và tem kiểm định: Trong thời hạn không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra và cơ sở có cam kết nộp lệ phí theo đúng quy định quản lý Nhà nước.  Lý do đề nghị sửa: Với nội dung trên trong thời gian (01) ngày làm việc là không đủ thời gian để thực hiện nội dung thanh toán cho kỳ kiểm định đối với cơ sở là doanh nghiệp Nhà nước. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa lại như sau:  d) Cấp giấy chứng nhận/thông báo không đạt và tem kiểm định: Trong thời hạn không quá một (01) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. |
|  |  | **Điều 13. Cấp lại giấy chứng nhận**  1. Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng mà vẫn còn hiệu lực.  2. Hồ sơ cấp lại gồm các tài liệu sau:  a) Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận của cơ sở sản xuất/doanh nghiệp nhập khẩu/cơ sở sửa chữa/chủ phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.  b) Bản sao Giấy chứng nhận trước khi bị mất, hỏng (nếu có).  3. Trình tự, cách thức thực hiện  a) Cơ sở sản xuất/doanh nghiệp nhập khẩu/cơ sở sửa chữa/chủ phương tiện lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, gửi cho Cơ quan kiểm tra bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử;  b) Cơ quan kiểm tra tiếp nhận (nếu doanh nghiệp nộp hồ sơ sau 15h hàng ngày, ngày nộp hồ sơ được tính là ngày hôm sau) và kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ trong vòng hai (02) ngày làm việc. Nếu thành phần, nội dung hồ sơ không hợp lệ theo quy định, Cơ quan kiểm tra trả lại hồ sơ và hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện lại. Nếu thành phần, nội dung hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cơ quan kiểm tra cấp lại giấy chứng nhận (bản giấy và/hoặc bản điện tử) theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp giấy chứng nhận bị mất, hỏng mà vẫn còn hiệu lực hoặc thông báo trả lời không cấp lại giấy chứng nhận đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng đã hết hiệu lực.  4. Hiệu lực giấy chứng nhận cấp lại do bị mất, hỏng được lấy theo hiệu lực của giấy chứng nhận đã cấp.  5. Cơ sở sản xuất/doanh nghiệp nhập khẩu/cơ sở sửa chữa/chủ phương tiện đề nghị cấp lại giấy chứng nhận chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật:  a) Nếu thiết bị, phương tiện đã bị hư hỏng do tai nạn, thiên tai, hành vi phá hoại hoặc trong quá trình bảo quản, vận chuyển đến mức không đảm bảo các yêu cầu an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định nhưng vẫn gửi hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đến Cơ quan kiểm tra;  b) Nếu thông số kỹ thuật thực tế của thiết bị, phương tiện đã bị thay đổi so với giấy chứng nhận đã cấp nhưng vẫn gửi hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đến Cơ quan kiểm tra. |  |  |
|  | **Tổng Công ty ĐSVN** | **Điều 15. Việc sử dụng và thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, tem kiểm định**  1. Sử dụng giấy chứng nhận, tem kiểm định:  a) Giấy chứng nhận cấp cho thiết bị được sử dụng làm căn cứ cho phép lắp ráp trên phương tiện;  b) Giấy chứng nhận cấp cho thiết bị, phương tiện (bản giấy hoặc bản điện tử) chỉ được sử dụng vào các mục đích: giải quyết thủ tục hải quan (nhập khẩu), đăng ký phương tiện (nhập khẩu, sản xuất lắp ráp), lưu hành hoặc để giải quyết các thủ tục khác khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; không có giá trị trong thế chấp hoặc không có giá trị làm tài sản đảm bảo;  c) Tem kiểm định dán trên phương tiện, vị trí dán được quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Hiệu lực của giấy chứng nhận, tem kiểm định:  a) Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận và tem kiểm định cấp theo chu kỳ kiểm tra quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.  b) Giấy chứng nhận sẽ mất hiệu lực khi: thiết bị, phương tiện đã được cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định mới; thông số kỹ thuật thực tế của thiết bị, phương tiện bị thay đổi so với giấy chứng nhận đã cấp; phương tiện bị hư hỏng do tai nạn, thiên tai, hành vi phá hoại hoặc trong quá trình bảo quản, vận chuyển đến mức không đảm bảo các yêu cầu an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định. | Điểm b khoản 1 Điều 15: đề nghị giữ nguyên như quy định tại Thông tư 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 và bổ sung thêm cụm từ “thiết bị” cho đầy đủ: “b) Giấy chứng nhận cấp cho phương tiện, thiết bị được sử dụng làm thủ tục hải quan khi nhập khẩu, thủ tục đăng ký và lưu hành phương tiện”.  Lý do:  - Việc thống kê các trường hợp như dự thảo hiện nay là dài và không cần thiết, mặt khác khi liệt kê lại thiếu một số trường hợp (VD: “… sử dụng cho việc đăng ký phương tiện (nhập khẩu, sản xuất lắp ráp)” sẽ thiếu một số trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 31 Luật Đường sắt; và trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị mất, bị hư hỏng.  - Giấy chứng nhận không phải là tài sản nên không có giá trị trong thế chấp hoặc không có giá trị làm tài sản đảm bảo tại các tổ chức tài chính.  Điểm b khoản 2 Điều 15: đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa bổ sung như sau: “Giấy chứng nhận sẽ mất hiệu lực khi: thiết bị, phương tiện đã được cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định mới; thông số kỹ thuật thực tế của thiết bị, phương tiện bị thay đổi so với giấy chứng nhận đã cấp; phương tiện bị hư hỏng do tai nạn, thiên tai, hành vi phá hoại hoặc trong quá trình bảo quản, vận chuyển như: bị biến dạng kết cấu giá chuyển hướng, kết cấu thép chịu lực thân xe, đến mức không đảm bảo các yêu cầu an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định”.  Lý do: Để thuận lợi trong quá trình áp dụng Thông tư vào thực tiễn. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa lại như sau:  **Điều 15. Việc sử dụng và thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, tem kiểm định**  1. Sử dụng giấy chứng nhận, tem kiểm định:  a) Giấy chứng nhận cấp cho thiết bị được sử dụng làm căn cứ cho phép lắp ráp trên phương tiện;  b) Giấy chứng nhận cấp cho thiết bị, phương tiện (bản giấy hoặc bản điện tử) chỉ được sử dụng vào các mục đích: giải quyết thủ tục hải quan, đăng ký phương tiện, lưu hành;  c) Tem kiểm định dán trên phương tiện, vị trí dán được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Hiệu lực của giấy chứng nhận, tem kiểm định:  a) Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận và tem kiểm định cấp theo chu kỳ kiểm tra quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.  b) Giấy chứng nhận sẽ mất hiệu lực khi: thiết bị, phương tiện đã được cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định mới; thông số kỹ thuật thực tế của thiết bị, phương tiện bị thay đổi so với giấy chứng nhận đã cấp; phương tiện bị hư hỏng do tai nạn, thiên tai, hành vi phá hoại hoặc trong quá trình bảo quản, vận chuyển làm biến dạng kết cấu giá chuyển hướng, kết cấu thép chịu lực thân phương tiện đến mức không đảm bảo các yêu cầu an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định. |
|  |  | **Chương V**  **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** |  |  |
|  |  | **Điều 16. Trách nhiệm của Cơ quan kiểm tra**  1. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Thông tư này.  2. Thống nhất quản lý việc phát hành, cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định theo quy định cho các đối tượng kiểm tra.  3. Thực hiện kiểm tra đột xuất khi phát hiện doanh nghiệp vi phạm về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với thiết bị, phương tiện.  4. Trường hợp xảy ra sự cố giao dịch điện tử trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm, Cơ quan kiểm tra có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử của Cơ quan kiểm tra chậm nhất sáu (06) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố trong giờ hành chính hoặc sáu (06) giờ kể từ thời điểm bắt đầu ngày làm việc tiếp theo đối với những sự cố xảy ra trong thời gian nghỉ theo quy định của pháp luật.  5. Lưu trữ hồ sơ đăng kiểm điện tử và hồ sơ đăng kiểm giấy đã được điện tử hóa:  a) Đối với hồ sơ đăng kiểm thiết bị, phương tiện nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải: lưu trữ trong suốt thời hạn sử dụng của thiết bị, phương tiện;  b) Đối với hồ sơ đăng kiểm phương tiện định kỳ: lưu trữ trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận;  6. Thu các khoản lệ phí, giá dịch vụ đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật. |  |  |
|  | **Công ty cồ phần vận tải và thương mại đường sắt** | **Điều 17. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, cơ sở sửa chữa và chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện**  1. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất:  a) Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo việc duy trì chất lượng các phương tiện xuất xưởng; xây dựng quy trình công nghệ sản xuất thiết bị, phương tiện, quy trình kiểm tra chất lượng thiết bị, phương tiện và hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra chất lượng thiết bị, phương tiện từ khâu kiểm soát chất lượng linh kiện đầu vào, kiểm tra chất lượng trên từng công đoạn cho tới khâu kiểm soát việc bảo hành;  b) Chịu trách nhiệm đến cùng về chất lượng thiết bị, phương tiện do mình sản xuất, lắp ráp; bảo đảm tổ chức thực hiện việc bảo hành, bảo dưỡng đối với thiết bị, phương tiện sản xuất, lắp ráp; tính pháp lý của các hồ sơ đăng ký kiểm tra nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua mạng;  c) Trang bị, bảo trì và đảm bảo các thiết bị kiểm tra cần thiết phải hoạt động tốt theo quy định của nhà sản xuất thiết bị;  d) Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành khi sản xuất, lắp ráp thiết bị, phương tiện; đảm bảo các điều kiện kiểm tra thiết bị, phương tiện theo các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;  đ) Chịu sự giám sát của chủ đầu tư hoặc chủ phương tiện hoặc chủ khai thác phương tiện về chất lượng, việc tuân thủ quy trình công nghệ sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng thiết bị, phương tiện trong quá trình sản xuất, lắp ráp;  e) Hợp tác và cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết khi được Cơ quan kiểm tra yêu cầu trong quá trình thanh tra, kiểm tra bất thường về chất lượng thiết bị, phương tiện. | Sửa tên Điều 17 thành “Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, cơ sở sửa chữa và chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện”.  Lý do: Lỗi chính tả.  Sửa điểm a khoản 1 Điều 17 thành “Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo việc duy trì chất lượng các phương tiện xuất xưởng; xây dựng quy trình công nghệ sản xuất thiết bị, phương tiện, quy trình kiểm tra chất lượng thiết bị, phương tiện và hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra chất lượng thiết bị, phương tiện từ khâu kiểm soát chất lượng, phụ kiện, phụ tùng, vật tư, thiết bị, linh kiện đầu vào, kiểm tra chất lượng trên từng công đoạn cho tới khâu kiểm soát việc bảo hành”.  Lý do: Để thống nhất với nghị định 65/2018/NĐ-CP. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa như góp ý. |
|  | **Tổng Công ty ĐSVN** |  | Đề nghị bỏ điểm đ Khoản 1 Điều 17: “Chịu sự giám sát của chủ đầu tư hoặc chủ phương tiện hoặc chủ khai thác phương tiện về chất lượng, việc tuân thủ quy trình công nghệ sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng thiết bị, phương tiện trong quá trình sản xuất, lắp ráp;”  Lý do: Chủ đầu tư hoặc chủ phương tiện hoặc chủ khai thác phương tiện có thể mua đầu máy toa xe là sản phẩm đã hoàn chỉnh phù hợp với các QCVN đủ điều kiện khai thác trên Đường sắt Quốc gia nên không tham gia giám sát trong quá trình sản xuất. | Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa như góp ý. |
|  |  | 2. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu:  a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng thiết bị, phương tiện nhập khẩu; các loại hồ sơ, tài liệu kỹ thuật của thiết bị, phương tiện;  b) Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành khi nhập khẩu thiết bị, phương tiện; phối hợp với các bên liên quan để đảm bảo các điều kiện kiểm tra thiết bị, phương tiện theo các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;  c) Thông báo bằng văn bản và nộp lại giấy chứng nhận, tem kiểm định cho Cơ quan kiểm tra khi xuất khẩu phương tiện tạm nhập, tái xuất. |  |  |
|  | **Công ty TNHH MTV ĐSĐT số 1** | 3. Trách nhiệm của chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện:  a) Thực hiện kiểm tra tình trạng hoạt động của tất cả các bộ phận của phương tiện để phương tiện đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trước khi tham gia giao thông;  b) Chịu trách nhiệm sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện để phương tiện đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giữa hai kỳ kiểm tra của Cơ quan kiểm tra;  c) Theo dõi và kiểm tra đối với các thiết bị, phương tiện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu có thiết kế mới lần đầu đang trong quá trình thử nghiệm vận dụng;  d) Cung cấp quy trình kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện cho Cơ quan kiểm tra trước khi kiểm tra định kỳ lần đầu và khi có thay đổi trong quá trình khai thác;  đ) Chịu trách nhiệm giám sát, nghiệm thu về mặt chất lượng, việc tuân thủ các quy trình công nghệ, quy trình kiểm tra chất lượng đối với thiết bị, phương tiện sản xuất, lắp ráp; giám sát việc tuân thủ các quy trình bảo dưỡng, sửa chữa các cấp đối với phương tiện sửa chữa định kỳ;  e) Bảo quản hồ sơ kỹ thuật, chứng chỉ chất lượng, giấy chứng nhận, tem kiểm định và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  g) Thực hiện công tác báo cáo định kỳ, đột xuất thông tin liên quan đến lỗi kỹ thuật, sự cố, tai nạn liên quan đến thiết bị, phương tiện cho Cơ quan kiểm tra. Hợp tác và cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết khi được Cơ quan kiểm tra yêu cầu trong quá trình kiểm tra đột xuất về chất lượng thiết bị, phương tiện; Cung cấp dữ liệu về phương tiện đang khai thác sử dụng hàng năm. | Điều 9, điểm a, c khoản 3 Điều 17: Xem xét nội dung dự thảo Thông tư tại Điều 9 phù hợp và tương đồng với Điều 17 về trách nhiệm của Chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện. | Giữ nguyên. Lý do:  Điều 9 quy định về kiểm tra định kỳ.  Khoản 3, Điều 17 là quy định về trách nhiệm của Chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện, trong đó điểm a quy định trách nhiệm trong quá trình khai thác, sử dụng, điểm c quy định trách nhiệm trong quá trình thử nghiệm vận dụng không liên quan đến công tác sửa chữa định kỳ. |
|  |  | 4. Trách nhiệm của cơ sở sửa chữa:  a) Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo việc duy trì chất lượng phương tiện hoán cải, bảo dưỡng, sửa chữa; xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng phương tiện và hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra chất lượng phương tiện trên từng công đoạn sửa chữa;  b) Chịu trách nhiệm về chất lượng phương tiện do mình hoán cải, bảo dưỡng, sửa chữa; bảo đảm tổ chức thực hiện việc bảo hành đối với phương tiện do mình hoán cải, bảo dưỡng, sửa chữa; tính pháp lý của các hồ sơ đăng ký kiểm tra nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua mạng;  c) Trang bị, bảo trì và đảm bảo các thiết bị kiểm tra cần thiết phải hoạt động tốt theo quy định của nhà sản xuất thiết bị;  d) Tuân thủ quy trình hoán cải, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện các cấp do Chủ phương tiện ban hành; tuân thủ các quy định, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành trong quá trình sửa chữa phương tiện; đảm bảo các điều kiện kiểm tra phương tiện theo các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;  đ) Chịu sự giám sát của chủ phương tiện và/hoặc chủ khai thác phương tiện về chất lượng, việc tuân thủ các quy trình bảo dưỡng, sửa chữa các cấp;  e) Hợp tác và cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết khi được Cơ quan kiểm tra yêu cầu trong quá trình kiểm tra đột xuất về chất lượng phương tiện. |  |  |
|  |  | 5. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, cơ sở sửa chữa và chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện chi trả lệ phí, giá dịch vụ kiểm định theo quy định hiện hành. |  |  |
|  |  | **Chương VI**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |  |
|  |  | **Điều 18. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.  2. Bãi bỏ Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.  3. Bãi bỏ Điều 1 và Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 32/2020/TT-BGTVT ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị.  4. Bãi bỏ Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BGTVT ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và Thông tư số 18/2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.  5. Bãi bỏ Thông tư số 10/2022/TT-BGTVT ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số [29/2018/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-29-2018-tt-bgtvt-kiem-tra-chat-luong-an-toan-ky-thuat-phuong-tien-giao-thong-duong-sat-326174.aspx) ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt. |  |  |
|  |  | **Điều 19. Quy định chuyển tiếp**  1. Các Giấy chứng nhận và Tem kiểm định đã cấp cho phương tiện, thiết bị tín hiệu đuôi tàu trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn có giá trị cho đến hết thời hạn còn hiệu lực.  2. Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được viễn dẫn trong Thông tư này có sự thay đổi, bổ sung về nội dung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định trong văn bản mới. |  |  |
|  |  | **Điều 20. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục: Đường sắt Việt Nam, Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giao thông – Xây dựng Lào Cai, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. |  |  |
|  |  | **PHỤ LỤC I**  **MẪU - GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN** |  |  |
|  |  | **PHỤ LỤC II**  **MẪU - GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN** |  |  |
|  | **Tổng Công ty ĐSVN** | **PHỤ LỤC III**  **BẢN KHAI THÔNG TIN THIẾT BỊ, PHỤ TÙNG, PHƯƠNG TIỆN** | Tại Phụ lục III. Nội dung 2 về Thông số kỹ thuật đối với đầu máy/phương tiện chuyên dùng tự hành  Mục 2.2. Đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa bổ sung: Số động cơ (nếu có).  Lý do: Có những phương tiện chuyên dùng tự hành động cơ chỉ có kiểu loại mà không có số động cơ. | Giữ nguyên. Lý do: Động cơ phải có số nhận dạng để quản lý. Thực tế kiểm tra đều có, nếu không có phải bổ sung để phục vụ cho công tác quản lý |
|  | **Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội** |  | Phụ lục III: Kiến nghị bỏ mục 1.2, 2.7; Mục thông tin chung là không phù hợp do các thiết bị cụ thể ở dưới và đưa các thông tin cần thiết ở mục 1 vào cụ thể từng thiết bị. Các thiết bị cần ghi rõ cụ thể là điền thông tin gì để tránh hiểu nhầm ví dụ như mục 2.1. Má giá, xà nhún/khung giá; mục 2.1. Kết cấu van hãm. Các mục 2.4, 2.6 đối với giá chuyển hướng; mục 2.5 đối với bộ móc nối đỡ đấm; mục 2.5 đối với bộ trục bánh xe là không cần thiết đối với phương tiện/thiết bị kiểm tra định kỳ. | Tiếp thu, Ban soạn thảo đã rà soát lại và điều chỉnh theo góp ý. |
|  |  | **PHỤ LỤC IV**  **BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA** |  |  |
|  | **Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội** |  | Phụ lục IV: Mục 5. Đối với phương tiện định kỳ, báo cáo kết quả kiểm tra đề nghị cụ thể các nội dung chứ không “Các nội dung tương ứng trong QCVN 15:2023/BGTVT” như thế rất khó thức hiện; đề nghị bỏ mục chạy thử và thử nghiệm vận dụng. Mục 6. Đối với phương tiện hoán cải, báo cáo kết quả kiểm tra đề nghị bỏ mục chạy thử; mục các nội dung hoán cải thì cũng không nằm ngoài các mục đã nêu ở điểm 2 do vậy kiến nghị bỏ. Mục 7. Đối với thiết bị, báo cáo kiểm tra đề nghị làm rõ đối với thiết bị gì thì báo cáo các nội dung tương ứng chứ không ghi theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng” vì như vậy sẽ làm khó cho các đơn vị; đồng thời kiến nghị bỏ mục chạy thử và thử nghiệm vận dụng vì thiết bị kiểu loại mới thì nhà sản xuất đã thử nghiệm và chịu trách nhiệm về sản phẩm của mình. | Tiếp thu, Ban soạn thảo đã bỏ Phụ lục này và quy định “Báo cáo kết quả kiểm tra các hạng mục theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng” để tránh trùng lắp với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. |
|  | **Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội** | **PHỤ LỤC V**  **TÀI LIỆU KỸ THUẬT CỦA PHƯƠNG TIỆN** | Quy định rõ về Tài liệu kỹ thuật do Nhà sản xuất đoàn tàu điện, phương tiện chuyên dùng đường sắt đô thị cần cung cấp ngay từ khi nhập khẩu phương tiện, phục vụ các kỳ đăng kiểm, cụ thể gồm:  - Những hạng mục, bộ phận của phương tiện cần cung cấp tài liệu kỹ thuật của Nhà sản xuất khi nhập khẩu để phục vụ các kỳ đăng kiểm.  - Danh mục, chủng loại, độ chi tiết của Tài liệu kỹ thuật do Nhà sản xuất cung cấp khi nhập khẩu phục vụ các kỳ đăng kiểm.  - Đơn vị có trách nhiệm cung cấp các Tài liệu kỹ thuật nêu trên từ thời điểm nhập khẩu mới phương tiện và bàn giao lại cho đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện. | Tiếp thu, Ban soạn thảo xin ghi nhận ý kiến góp ý này và tiếp tục hoàn thiện trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. |
|  | **Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội** |  | Phụ lục V: Mục 1. Đối với phương tiện sản xuất, lắp ráp kiến nghị bỏ bản vẽ lắp đặt giá chuyển hướng, van hãm, bộ móc nối đỡ đấm, hệ thống điện, hệ thống điều hòa không khí. Mục 2. Đối với phương tiện sản xuất, lắp ráp kiến nghị bỏ tài liệu thuyết minh tính năng động lực học, tính năng hãm của giá chuyển hướng do các tính năng này thì phải gắn với cụ thể phương tiện mới tính toán được. Mục 5. Đối với phương tiện định kỳ kiến nghị chuyển thành “Đối với phương tiện hoán cải” do các mục ở dưới có nội dung là được thay thế trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa đối với phương tiện định kỳ thì các thiết bị thay thế mới vào thì đã được Cục ĐKVN kiểm tra. | Tiếp thu, Ban soạn thảo đã rà soát lại và thống nhất sửa lại như sau:  1. Đối với phương tiện kiểm tra sản xuất, lắp ráp:  a) Bản vẽ kỹ thuật  - Bản vẽ tổng thể phương tiện;  - Bản vẽ kết cấu thân phương tiện;  - Bản vẽ thể hiện lắp đặt giá chuyển hướng, van hãm, bộ móc nối đỡ đấm, hệ thống hãm, hệ thống cấp điện toa xe (áp dụng đối với toa xe khách), hệ thống điều hòa không khí (áp dụng đối với toa xe khách), hệ thống điện sức kéo (áp dụng đối với đầu máy), hệ thống truyền động trên phương tiện (áp dụng đối với đầu máy);  b) Tài liệu thuyết minh  - Tài liệu thuyết minh đặc tính kỹ thuật cơ bản của phương tiện;  - Tài liệu thuyết minh tính năng động lực học của phương tiện: độ êm dịu vận hành, hệ số ổn định chống lật và hệ số chống trật bánh;  - Tài liệu thuyết minh sức kéo (áp dụng đối với đầu máy);  - Tài liệu thuyết minh sức bền của phương tiện;  - Tài liệu thuyết minh tính năng hãm của phương tiện.  2. Đối với thiết bị, phương tiện kiểm tra nhập khẩu:  a) Bản vẽ tổng thể của thiết bị, phương tiện;  b) Bản sao có giá trị pháp lý tài liệu giới thiệu tính năng, thông số kỹ thuật thiết bị, phương tiện của nhà sản xuất;  c) Bản sao có giá trị pháp lý chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất đối với thiết bị, phương tiện nhập khẩu mới.  3. Đối với phương tiện kiểm tra hoán cải:  a) Bản vẽ tổng thể của phương tiện trước và sau hoán cải;  b) Bản vẽ tổng thành, thiết bị, hệ thống được hoán cải;  c) Tài liệu thuyết minh liên quan đến nội dung hoán cải;  d) Tài liệu kỹ thuật của động cơ diesel, động cơ điện kéo, máy phát điện chính, máy nén khí, bộ truyền động thủy lực, giá chuyển hướng, bộ móc nối đỡ đấm, van phân phối, van hãm được thay thế trong quá trình hoán cải. |
|  | **Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An** |  | Phụ lục V mục 3: Cần quy định cụ thể chữ (chữ tiếng Việt, tiếng Anh) trong các tài liệu kỹ thuật của các thiết bị, phương tiện nhập khẩu. | Trong văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam, nếu không có quy định, ngôn ngữ sử dụng được hiểu là tiếng Việt. |
|  |  | **PHỤ LỤC VI**  **MẪU - GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG**  **AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** |  |  |
|  |  | **PHỤ LỤC VII**  **MẪU - TEM KIỂM ĐỊNH VÀ VỊ TRÍ DÁN** |  |  |
|  |  | **PHỤ LỤC VIII**  **MẪU - THÔNG BÁO XÁC NHẬN** |  |  |
|  |  | **PHỤ LỤC IX**  **MẪU - THÔNG BÁO HOÀN THIỆN HỒ SƠ** |  |  |
|  |  | **PHỤ LỤC X**  **MẪU - THÔNG BÁO DỪNG THỦ TỤC CHỨNG NHẬN** |  |  |
|  |  | **PHỤ LỤC XI**  **MẪU - THÔNG BÁO KHẮC PHỤC** |  |  |
|  |  | **PHỤ LỤC XII**  **MẪU - THÔNG BÁO KHÔNG ĐẠT** |  |  |
|  | **Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn** | **PHỤ LỤC XIII**  **CHU KỲ KIỂM TRA** | Phụ lục XIII. Đề nghị bỏ các điểm (c) của các mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, Bổ sung mục 1.6: vì phương tiện chuyên dùng không áp dụng niên hạn sử dụng.  1.6. Phương tiện chuyên dùng không tự hành  - Nhập khẩu và sản xuất lắp ráp mới: Chu kỳ đầu 36 tháng  - Đang khai thác: Chu kỳ định kỳ 24 tháng  Lý do: Đây là các phương tiện ít sử dụng, vận dụng tốc độ thấp, thực tế Công ty quản lý chưa bao giờ xảy ra tai nạn. | Giữ nguyên. Lý do:  - Điểm (c) của các mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 áp dụng đối với toa xe hàng và phương tiện chuyên dùng không tự hành là 2 đối tượng riêng biệt theo quy định tại khoản 26 Điều 3 Luật đường sắt 2017. Vì vậy nếu bổ sung mục 1.6 áp dụng cho Phương tiện chuyên dùng không tự hành thì vẫn thiếu đối với toa xe hàng.  - Nếu thực hiện như đề xuất sau khi bỏ điểm c của các mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 thì vẫn thiếu phương tiện nhập khẩu cũ và không phân biệt giữa phương tiện ít khai thác sử dụng, phương tiện đã sử dụng trên hoặc dưới 30 năm, … |
|  | **Tổng Công ty ĐSVN** |  | Tại Phụ lục XIII. Chu kỳ kiểm tra:  Mục 1.5 Phương tiện đang khai thác ít sử dụng đề nghị giữ nguyên quy định “đầu máy đẩy, đầu máy dùng kéo tàu với km chạy hàng năm nhỏ hơn 40.000km.” như đã quy định tại Thông tư 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018.  Lý do:  - Việc dự thảo bỏ quy định này không rõ lý do và không mang tính kỹ thuật. Làm tăng chi phí sửa chữa định kỳ không đáng có, thêm gánh nặng về tài chính đối với doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn hiện nay, gây nên lãng phí đối với các đầu máy có số km chạy rất thấp nhỏ hơn 40.00km/năm.  - Các đầu máy đẩy và các đầu máy có km vận dụng hàng năm nhỏ hơn 40.000km môi trường làm việc không quá khắc nghiệt nên tuổi thọ của các thiết bị, phụ tùng cũng được kéo dài. | Tiếp thu, Ban soạn thảo đã rà soát lại và thống nhất giữ nguyên nội dung theo Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT. |
|  | **Công ty Apatít Việt Nam** |  | Tại Phụ lục XIII. Chu kỳ kiểm tra:  Bổ sung thêm mục 3.5 như sau:  3.5. Phương tiện đang khai thác ít sử dụng  a) Đầu máy dồn tại ga; đầu máy chạy có số km chạy hàng năm nhỏ hơn 40.000 km  b) Toa xe có số km chạy hàng năm nhỏ hơn 40.000 km  Chu kỳ kiểm tra định kỳ là 24 tháng. | Giữ nguyên. Để đề xuất điều chỉnh chu kỳ kiểm tra, doanh nghiệp cần đưa ra những căn cứ có tính khoa học để các cơ quan có thẩm quyền có cơ sở xem xét. |
|  |  | **PHỤ LỤC XIV**  **NỘI DUNG KIỂM TRA THIẾT BỊ TÍN HIỆU ĐUÔI TÀU** |  |  |